

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-ST

Ngày: 22 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Trang

Ông Bùi Sỹ Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Việt - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2023/TLST- HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 15/8/2023 đối với bị cáo:

Phạm Thế H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức T và bà Lê Thị T; vợ: Phạm Thị Y, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 20/4/2023 đến ngày 26/4/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị H - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh hóa.

2. Anh Bùi Duy T - sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa

3. Anh Hoàng Văn H - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T (vắng)

4. Anh Trần Văn Q - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T

5. Anh Hoàng Văn C - sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T

6. Anh Trịnh Thái L - sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, Phạm Thế H đã sử dụng tiền cá nhân cho nhiều người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương và thành phố Thanh Hoá vay với lãi suất từ 5.000đ/1triệu/1ngày đến 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 243,3%/năm. Mỗi khi có khách vay tiền, H sẽ kiểm tra thông tin của khách vay như: Tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, hoàn cảnh kinh tế... Tùy theo điều kiện gia đình và hoàn cảnh kinh tế của khách vay mà H sẽ đưa ra hình thức vay và mức lãi suất, không yêu cầu khách vay phải cầm cố, thế chấp tài sản hay giấy tờ gì và không ấn định thời hạn trả gốc. Nếu khách đồng ý vay thì H sẽ yêu cầu khách viết giấy vay tiền. Sau đó, H lưu thông tin khách vay, ngày vay, số tiền vay vào sổ rồi đưa tiền cho khách. Đến các tháng tiếp theo khách vay sẽ phải trả tiền lãi hàng tháng cho Hà theo như đã thỏa thuận cho đến khi nào khách trả hết tiền gốc. Cụ thể, từ tháng 3/2022 đến tháng 4/2023, H đã sử dụng tiền cho 06 khách vay gồm:

1. Trần Thị H, SN: 1976, ở tổ dân phố D, TT. T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Phạm Thế H cho chị Trần Thị H vay tiền 07 lần, trong đó có 01 (một) lần chị Hà vay theo hình thức trả lãi hàng tháng và 06 lần vay theo hình thức vay thăm (trả góp), cụ thể:

- Lần 1: *Hình thức vay trả tiền lãi hàng tháng*: Ngày 20/6/2022, Phạm Thế H cho chị H vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Hàng tháng chị H phải trả số tiền lãi là 2.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Khi cho chị H vay tiền, Phạm Thế H cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho chị H 8.000.000đ. Tính đến ngày 20/4/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), chị H đã trả cho Phạm Thế H 04 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 8.000.000đ. Hiện chị H còn nợ Phạm Thế H 06 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 12.000.000đ và 10.000.000đ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi chị H phải trả cho Phạm Thế H theo thỏa thuận đối với khoản vay này (trong 10 tháng) là 20.000.000đ. Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng trong thời gian 10 tháng của khoản vay này là 1.643.836đ; số tiền Phạm Thế H nhằm thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự là 18.356.164đ. Số tiền lãi thực tế H đã thu của chị Trần Thị H (04 tháng) là 8.000.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng (04 tháng) là 657.534đ, số tiền Phạm Thế H thu lời bất chính là 7.342.466đ.

- *Đối với hình thức vay thăm (trả góp):* Phạm Thế H cho chị Trần Thị H vay tiền 06 lần, mỗi lần chị H đều vay 10.000.000đ, trong thời gian 42 ngày, mỗi ngày chị H phải đóng 300.000đ tiền gốc và lãi. Chị H phải trả cho Phạm Thế H tổng số tiền 12.600.000đ cho từng khoản vay; trong đó bao gồm 10.000.000đ tiền gốc và 2.600.000đ tiền lãi; tương đương mức lãi suất 6.190/1triệu/1ngày và 225,9%/năm, gấp 11,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Đồng thời trong các lần cho chị H vay tiền, Phạm Thế H đều cắt 400.000đ tiền phí làm hồ sơ vay và đưa cho chị H số tiền 9.600.000đ. Các lần chị H vay cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/3/2022, Phạm Thế H cho chị H vay 10.000.000đ, H cắt tiền phí hồ sơ 400.000đ và đưa cho chị H số tiền 9.600.000đ. Đến ngày 02/5/2022 chị Hà đã trả được 40 ngày với tổng số tiền là 12.000.000đ và còn nợ 02 ngày là 600.000đ.

Lần 2: Ngày 02/5/2022, chị H vay số tiền 10.000.000đ, H cắt tiền phí hồ sơ 400.000đ và trừ 600.000đ chị H còn nợ 02 ngày của khoản vay trước đó, chị H còn nhận 9.000.000đ. Đến ngày 05/6/2022, chị H đã trả được 34 ngày với tổng số tiền là 10.200.000đ và còn nợ 08 ngày với tổng số tiền là 2.400.000đ.

Lần 3: Ngày 05/6/2022, chị H vay số tiền 10.000.000đ, Hà cắt tiền phí hồ sơ 400.000đ và trừ 2.400.000đ chị H còn nợ tiền 08 ngày của khoản vay trước đó chị H còn nhận 7.200.000đ. Ngày 30/6/2022, chị H đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 7.500.000đ và còn nợ 17 ngày với tổng số tiền là 5.100.000đ.

Lần 4: Ngày 30/6/2022, chị H vay số tiền 10.000.000đ, Hà cắt tiền phí hồ sơ 400.000đ và trừ 5.100.000đ chị H còn nợ 17 ngày của khoản vay trước đó rồi đưa cho chị Hà 4.500.000 đồng. Ngày 10/8/2022, chị H đã trả được 41 ngày với tổng số tiền là 12.300.000đ và còn nợ tiền 01 ngày là 300.000đ.

Lần 5: Ngày 10/8/2022, chị H vay số tiền 10.000.000đ, H cắt tiền phí hồ sơ 400.000đ và trừ 300.000đ chị H còn nợ tiền 01 ngày của khoản vay trước đó rồi đưa cho chị H 9.300.000đ. Đến ngày 02/9/2022, chị H đã trả được 23 ngày với tổng số tiền là 6.900.000đ và còn nợ 19 ngày với tổng số tiền là 5.700.000đ.

Lần 6: Ngày 02/9/2022, chị H vay số tiền 10.000.000đ, H cắt tiền phí hồ sơ 400.000đ và trừ 5.700.000đ chị H còn nợ 19 ngày của khoản vay trước đó rồi đưa cho chị H 3.900.000đ. Đối với khoản vay này, tính đến ngày 20/4/2023 (ngày bị phát hiện), chị H đã trả cho Phạm Thế H được 18 ngày với tổng số tiền là 5.400.000đ; trong đó bao gồm: 4.285.714đ tiền gốc và 1.114.286đ tiền lãi. Còn nợ 24 ngày với tổng số tiền là 7.200.000đ; trong đó bao gồm 5.714.286đ tiền gốc và 1.485.714đ tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng trong một khoản vay thăm (trả góp) của chị H là 230.137đ, số tiền lãi Phạm Thế H thu vượt quá quy định của pháp luật của từng khoản vay là

2.369.863đ.

Như vậy, lãi theo thỏa thuận chị Trần Thị H phải trả cho Phạm Thế H đối với 06 khoản vay theo hình thức vay thắm (trả góp) nêu trên là 15.600.000đ tiền lãi và 2.400.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng của 06 khoản vay này là 1.380.822đ. Tổng số tiền tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật Phạm Thế H thu lời bất chính 14.219.178đ và 2.400.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng số tiền H phải chịu trách nhiệm hình sự là 16.619.178đ.

Tổng số tiền Phạm Thế H cho chị Trần Thị H vay 07 lần là 70.000.000đ, chị H phải trả cho Phạm Thế H các khoản tiền lãi theo thỏa thuận đối với tất cả các khoản vay này là 35.600.000đ tiền lãi và 2.400.000đ tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền lãi Phạm Thế H được hưởng hợp pháp theo quy định đối với 07 khoản vay của chị Hà là 3.024.658đ. Số tiền Phạm Thế H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tất cả các khoản vay của chị H là 32.575.432đ và 2.400.000đ, tổng là: **34.975.342đ**. Thực tế Phạm Thế H đã thu lãi của chị Trần Thị H tổng 07 lần vay là 22.114.286đ; trong đó lãi xuất hợp pháp Phạm Thế H được hưởng là 1.906.849đ, lãi xuất H thu lời bất chính là 20.207.437đ và Phạm Thế H còn nợ số tiền gốc chưa trả cho chị Hà là 15.714.286đ.

2. Bùi Duy T, SN: 1998, ở phố T, phường Q, TP. T, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 09/4/2023, Phạm Thế H cho anh Bùi Duy T vay 15.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Hàng tháng, anh T phải trả số tiền lãi là 3.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Khi cho anh T vay tiền, H cắt trước 3.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh T 12.000.000đ. Ngày 20/4/2023, anh T đã trả trước cho 1.500.000đ tiền lãi của tháng sau. Tính đến ngày 20/4/2023, anh T đã trả cho H 4.500.000đ tiền lãi và đang còn nợ 15.000.000đ tiền nợ gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng trong thời gian 01 tháng của khoản vay là 369.683đ; số tiền Phạm Thế H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay của anh Trọng là **4.130.317đ**.

3. Hoàng Văn H, SN: 1991 ở phố T, phường Q, TP. T, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 25/3/2023, Phạm Thế H cho anh Hoàng Văn H vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Hàng tháng anh H phải trả số tiền lãi là 2.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Khi cho anh H vay tiền, Phạm Thế H cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh H 8.000.000đ. Ngày 06/4/2023, anh H đã trước cho H 2.000.000đ tiền lãi của tháng sau. Tính đến ngày 20/4/2023, anh H đã trả cho H 4.000.000đ tiền lãi và đang còn nợ 10.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H

được hưởng trong thời gian 01 tháng của khoản vay là 328.767đ; số tiền Phạm Thế H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay của anh H là **3.671.233đ**.

4. Trần Văn Q, SN: 1991, ở phố T, phường Q, TP. T, tỉnh Thanh Hoá (vay 02 lần).

Lần 1: Ngày 17/12/2022, H cho anh Trần Văn Q vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Hàng tháng anh Q phải trả số tiền lãi là 2.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Khi cho anh Q vay tiền, Phạm Thế H cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh Q 8.000.000đ. Tính đến ngày 20/4/2023, anh Q đã trả cho H 05 (năm) tháng tiền lãi với tổng số tiền là 10.000.000đ và đang còn nợ 10.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng trong thời gian 05 tháng đối với khoản vay này của anh Q là 821.918đ; số tiền Phạm Thế H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này của anh Q là 9.178.082đ.

Lần 2: Ngày 25/02/2023 H còn cho anh Q vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Hàng tháng anh Q phải trả số tiền lãi là 2.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Khi cho anh Q vay tiền, H cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh Q 8.000.000đ. Tính đến ngày 20/4/2023, anh Q đã trả cho H 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 4.000.000đ và đang còn nợ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng trong thời gian 02 tháng đối với khoản vay này của anh Q là 328.767đ; số tiền Phạm Thế H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này của anh Q là 3.671.233đ.

Như vậy: Tổng số tiền Phạm Thế H cho anh Q vay 02 lần là 20.000.000đ, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận anh Q đã trả cho H là 14.000.000đ. Trong đó, theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 số tiền lãi hợp pháp theo quy định H được hưởng đối với 02 khoản vay của anh Q là 1.150.685đ, tổng số tiền lãi H thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự là **12.849.315đ**. Tính đến thời điểm hiện tại anh Q đang còn nợ H 20.000.000đ tiền gốc.

5. Trịnh Thái L, SN: 1986, ở phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hoá (vay 02 lần).

Lần 1: Ngày 17/3/2023, Phạm Thế H cho anh Trịnh Thái L vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại

Điều 468 BLDS 2015. Khi cho anh L vay tiền, H cắt trước 4.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh L 16.000.000đ. H và anh L thỏa thuận từ tháng tiếp theo anh L phải trả cho H mức lãi suất là 5.000đ/1triệu/1ngày tương đương 182,5%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng anh L phải trả 3.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Đến ngày 17/4/2023, anh L đã trả cho H 3.000.000đ tiền lãi; tính đến ngày 20/4/2023, anh L đã trả cho H 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 7.000.000đ và đang còn nợ 20.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 số tiền lãi hợp pháp H được hưởng trong thời gian 02 tháng đối với khoản vay này của anh L là 657.534đ; số tiền H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này của anh L là 6.342.466đ.

Lần 2: Ngày 05/4/2023, H còn cho anh L vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc. Theo thỏa thuận, anh L phải trả lãi suất của tháng đầu là 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Khi cho anh L vay tiền, H cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh L 8.000.000đ. Tính đến ngày 20/4/2023, anh L đã trả cho H 01 tháng tiền lãi với số tiền là 2.000.000đ và đang còn nợ 10.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 số tiền lãi hợp pháp H được hưởng trong thời gian 01 tháng đối với khoản vay này của anh L là 164.384đ; số tiền H thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự của anh L là 1.835.616đ.

Như vậy: Tổng số tiền H cho anh L vay 02 lần là 30.000.000đ, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận anh L đã trả cho H là 9.000.000đ. Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 số tiền lãi hợp pháp theo quy định H được hưởng đối với 02 khoản vay của anh L là 821.918đ; tổng số tiền lãi H thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự là **8.178.082đ**. Tính đến thời điểm hiện tại anh L đang còn nợ H 30.000.000đ tiền gốc.

6. Hoàng Văn C, SN: 1992 ở phố T, phường Q, TP. T, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 16/4/2023, Phạm Thế H cho anh Hoàng Văn C vay 15.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Hàng tháng, anh C phải trả số tiền lãi là 3.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Khi cho anh C vay tiền, H cắt trước 3.000.000đ tiền lãi của tháng đầu và đưa cho anh C 12.000.000đ. Tính đến ngày 20/4/2023, ngoài tiền lãi H đã cắt của tháng đầu thì anh C chưa trả thêm khoản tiền lãi nào khác và đang còn nợ H 15.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 số tiền lãi hợp pháp theo quy định H được hưởng trong thời gian 01 tháng đối với khoản vay này của anh C là 246.575đ; số tiền Phạm Thế H thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này của anh C là **2.753.425đ**.

* Như vậy: Trong khoảng thời gian từ 23/3/2022 đến ngày 20/4/2023, Phạm Thế H đã sử dụng số tiền 160.000.000đ của cá nhân cho 06 người vay trên với lãi suất từ 5.000đ/1triệu/1ngày đến 6.667đ/1triệu/1ngày tương đương mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 243,3%/năm, mức lãi suất vượt quá từ 9,13 lần đến 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất theo qui định của BLDS, thu số tiền lãi là 70.100.000đ và 2.400.000đ phí làm hồ sơ. Tổng số tiền lãi, tiền phí hồ sơ những người vay trên phải trả theo thỏa thuận cho H tính đến ngày 20/4/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 72.500.000đ, tổng số tiền lãi hợp pháp Phạm Thế H được hưởng trong các khoản vay trên là 5.942.286đ, tổng số tiền H thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay của những người vay trên là **66.557.714đ**. (trong đó bao gồm 2.400.000đ tiền phí hồ sơ vay).

Thực tế Phạm Thế H đã thu lãi là: 56.614.286đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi xuất cao nhất của BLDS là 4.824.477đ, số tiền lãi đã thu vượt quá qui định là: 51.789.809đ.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSQX ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Phạm Thế H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 20/4/2023 đến 26/4/2023.

+ Về phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 55.000.000đ đến 60.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo (do bị cáo công ăn việc làm không ổn định)

- Về các biện pháp tư pháp:

+ Đối với số tiền gốc 160.000.000đ Hà dùng tiền cá nhân cho vay là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó, tịch thu của H số tiền 54.285.714đ (số tiền này chị Trần Thị H đã trả cho Hà); số tiền có lại tổng 105.714.286đ mà người vay chưa trả cho Phạm Thế H cụ thể: chị Trần Thị H 15.714.286đ, anh Bùi Duy T 15.000.000đ, Hoàng Văn H 10.000.000đ, anh Trần Văn Q 20.000.000đ, anh Trịnh Thái L 30.000.000đ, anh Hoàng Văn C 15.000.000đ. Đây là số tiền của H dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc chị H, anh T, anh H, anh Q, anh L, anh C phải nộp lại số tiền nợ trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi 4.824.477đ là tiền lãi H được hưởng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định Điều 468 BLDS 2015 mà thực tế H đã được hưởng, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của H để sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền Phạm Thế H đã thu lãi của người vay vượt quá quy định theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 cụ thể: Chị Trần Thị H: 20.207.437đ; anh Bùi Duy T 4.130.317đ; anh Hoàng Văn Hùng 3.671.233; anh Trần Văn Quý 12.849.315đ; anh Trịnh Thái Lộc 8.178.082đ; anh Hoàng Văn Cường 2.753.425. Quá trình điều tra xác định, các chị Hà, anh Trọng, anh Hùng, anh Quý, anh Lộc, anh Cường đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền Phạm Thế Hà thu lời bất chính của những người vay, buộc Hà phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ.

[2.1]. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ 23/3/2022 đến ngày 20/4/2023, Phạm Thế H đã sử dụng số tiền 160.000.000đ của cá nhân cho chị Trần Thị H, anh Bùi Duy Tr, anh Hoàng Văn H, anh Trần Văn Q, anh Trịnh Thái L, anh Hoàng Văn C vay tiền với lãi suất từ 5.000đ/1triệu/1ngày đến 6.667đ/1triệu/1ngày, tương đương mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 243,3%/năm, mức lãi suất vượt quá từ 9,13 lần đến 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất theo qui định của BLDS thu lời số tiền bất chính **66.557.714đ.**

[2.2]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phạm Thế H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi

phạm tội của Phạm Thế H phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu vay cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 182,5%/năm đến 243,3%/năm, vượt quá từ 9,13 lần đến 12,17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhằm thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải được xử lý nghiêm minh.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa tiền án tiền sự, tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp, khi quyết định hình phạt nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì ra đầu thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi, nên áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền bị cáo 60.000.000đ là phù hợp. Bị cáo lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. Đối với số tiền gốc 54.285.714đ mà chị Trần Thị H đã trả cho H. Đây là tiền Hà sử dụng làm phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần tịch thu ở bị cáo H số tiền 54.285.714đ để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6.2]. Đối với số tiền nợ gốc tổng 105.714.286đ mà người vay chưa trả cho Phạm Thế H cụ thể: chị Trần Thị H 15.714.286đ, anh Bùi Duy T 15.000.000đ, Hoàng Văn H 10.000.000đ, anh Trần Văn Q còn nợ 20.000.000đ, anh Trịnh Thái L 30.000.000đ, anh Hoàng Văn C 15.000.000đ. Đây là số tiền H dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS buộc chị H, anh T, anh H, anh Q, anh L, anh C phải nộp lại số tiền trên để tịch thu sung ngân sách nhà nước

[6.3]. Đối với số tiền 4.824.477đ là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không tính xác định trách nhiệm hình sự, nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của H để sung quỹ Nhà nước.

[6.4]. Đối với số tiền bị cáo H đã thu lãi của những người vay vượt quá qui định của BLDS gồm: Chị Trần Thị H 20.207.437đ; anh Bùi Duy T 4.130.317đ; anh Hoàng Văn H 3.671.233; anh Trần Văn Quý 12.849.315đ; anh Trịnh Thái Lộc 8.178.082đ; anh Hoàng Văn C 2.753.425. Quá trình điều tra xác định, các chị H, anh T, anh H, anh Q, anh L, anh C đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền H thu lời bất chính của những người vay, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc H phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 2 Điều 35; Điều 36 BLHS; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS;; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Phạm Thế H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Ngô Văn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 20/4/2023 đến ngày 26/4/2023) qui đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành là 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 60.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

*** Về các biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu bị cáo số tiền 54.285.714đ và 4.824.477đ để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu từ chị Trần Thị H số tiền 15.714.286đ, anh Bùi Duy T số tiền 15.000.000đ, Hoàng Văn H số tiền 10.000.000đ, anh Trần Văn Q số tiền 20.000.000đ, anh Trịnh Thái L số tiền 30.000.000đ, anh Hoàng Văn C số tiền 15.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo H phải trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 20.207.437đ; anh Bùi Duy T số tiền 4.130.317đ; anh Hoàng Văn H số tiền 3.671.233; anh Trần Văn Q số tiền 12.849.315đ; anh Trịnh Thái L số tiền 8.178.082đ; anh Hoàng Văn C số tiền 2.753.425đ.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

